TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-11-2023
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Minh Hằng.

Ông Nguyễn Văn Thiện.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu Huyền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Tiến Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1973; phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1969; nơi thường trú: phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn khởi kiện với nội dung: Bà (Hoàng Thị V) và ông Nguyễn Văn X quen biết, tìm hiểu đã đi đến kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau từ cuối năm 1987 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn.

Tuy nhiên, cuộc sống chung có nhiều khó khăn về kinh tế vì cả bà và ông X không có công việc ổn định, đều là lao động tự do. Xuất phát từ khó khăn kinh tế dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Hai người thường xuyên to tiếng, cãi nhau, bất đồng quan

điểm trong việc sinh hoạt gia đình, nuôi dạy con cái và đối xử với hai bên gia đình. Hai bên nội ngoại cũng đã khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng tăng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Năm 2013, bà và ông X đã thống nhất không chung sống cùng nhau nữa. Bà về sống cùng bố mẹ đẻ tại quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, ly thân với ông X từ thời gian đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay, cả hai người cùng thống nhất ly hôn để mỗi bên ổn định cuộc sống của mình nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà với ông X ly hôn.

Bà và ông X có 02 con chung là con gái Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 01/10/1994 và con trai Nguyễn Ngọc A sinh ngày 27/9/1999. Hai con đã thành niên và có đủ khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết giao quyền nuôi con khi ly hôn.

Bà và ông X có tài sản chung là thửa đất số 102, tờ bản đố số 16, diện tích 193 m^2 (gồm: 100 m^2 đất ở + 93 m^2 đất vườn), tại địa chỉ thôn Th, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng. Thửa đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện T, thành phố Hải Phòng xác nhận đăng ký biến động ngày 30/9/2009 cho người sử dụng là Nguyễn Văn X và Hoàng Thị V tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AO 577406, số vào sổ H 00950 cấp ngày 28/9/2007. Tài sản gắn liền với đất là nhà ở và các tài sản khác. Trị giá đất khoảng 600.000.000 đồng và tài sản trên đất trị giá khoảng 100.000.000 đồng. Khi ly hôn, bà và ông X đã tự nguyện thỏa thuận, thống nhất giao cho ông X sở hữu diện tích 193 m^2 đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Đồng thời bà và ông X đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung thỏa thuận về việc chia tài sản chung vào bản án.

Ý kiến của bị đơn: Ông (Nguyễn Văn X) đồng ý với nội dung khởi kiện của bà Hoàng Thị V về nội dung quan hệ hôn nhân giữa ông với bà V. Ông và bà V lấy nhau, chung sống nhưng không đăng ký kết hôn. Mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà V trình bày nên ông và bà V đã thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hai con chung của ông và bà V đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc người nuôi con sau khi ly hôn. Ông và bà V có tài sản chung là thửa đất và tài sản trên thửa đất có diện tích 193 m^2 tại địa chỉ thôn Th, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng đúng như trình bày của bà V. ông và bà V đã tự thỏa thuận khi ly hôn thì ông được quyền sở hữu quyền sử dụng thửa đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Ông đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung tự phân chia tài sản chung giữa ông với bà V vào bản án.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà V với ông X; 2 con chung của bà V và ông X đã trưởng

thành nên không giải quyết; Ghi nhận sự tự nguyện phân chia tài sản chung của bà V và ông X trong bản án; Bà V xin ly hôn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Bà Hoàng Thị V xin ly hôn với ông Nguyễn Văn X là vụ án Hôn nhân gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông X là bị đơn, cư trú tại quận Hải An, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt các đương sự

Bà Hoàng Thị V là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn X là bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung nguyên đơn khởi kiện ly hôn đối với bị đơn

Bà V và ông X trên cơ sở tình yêu nam nữ, có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến nay, tình cảm giữa bà V với ông X đã không còn, cả hai đã không còn chung sống với nhau và cùng có thỏa thuận ly hôn. Do vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà V với ông X.

[4] Bà V và ông X có 2 con chung là Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 01/10/1994 và Nguyễn Ngọc A sinh ngày 27/9/1999 đều là người đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi mình. Do vậy, Tòa án không giải quyết việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi.

[5] Về phân chia tài sản chung

Bà V và ông X xác định có chung tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 102, tờ bản đố số 16, diện tích 193 m^2 (gồm: 100 m^2 đất ở + 93 m^2 đất vườn), tại địa chỉ thôn Th, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng và nhà ở, tài sản khác gắn liền với thửa đất. Thửa đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện T, thành phố Hải Phòng xác nhận đăng ký biến động ngày 30/9/2009 cho người sử dụng là Nguyễn Văn X và Hoàng Thị V tại Giấy chứng nhận quyên sử dụng đất có số phát hành AO 577406, số vào sổ H 00950 cấp ngày 28/9/2007. Khi ly hôn, bà V và ông X đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau: Ông Nguyễn Văn X được quyền sở hữu quyền sử dụng thửa đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. bà V và ông X đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung trong bản án.

Xét thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa bà V và ông X là hoàn toàn tự nguyện, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ về tài sản với người khác nên Tòa án chấp nhận ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa bà V và ông X.

[6] Về nghĩa vụ nộp án phí

Bà Hoàng Thị V là nguyên đơn xin ly hôn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa bà V và ông X nên các đương sự không phải nộp án phí dân sự được quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử;

- Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị V và ông Nguyễn Văn X.

- Giao cho ông Nguyễn Văn X quyền sở hữu tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 102, tờ bản đố số 16, diện tích 193 m^2 (gồm: 100 m^2 đất ở + 93 m^2 đất vườn), tại địa chỉ thôn Th, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng. Thửa đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện T, thành phố Hải Phòng xác nhận đăng ký biến động ngày 30/9/2009 cho người sử dụng là Nguyễn Văn X và Hoàng Thị V tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AO 577406, số vào sổ H 00950 cấp ngày 28/9/2007.

- Bà Hoàng Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005000 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An), bà Hoàng Thị V đã nộp đủ án phí.

Bà Hoàng Thị V và ông Nguyễn Văn X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Quốc Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hằng **Nguyễn Văn Thiện** **Nguyễn Quốc Phương**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hằng **Mai Thị Duyên** **Nguyễn Quốc Phương**